BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM REGISTER
Số (Nº): 25KMC/248167

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status):* **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer):* **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ GIỚI ĐỨC ANH**

Địa chỉ *(Address):* **139A1 Đường số 9, Khu phố 5, Phường Linh Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type):* **Xe lu rung**

Nhãn hiệu *(Trade mark):* **SAKAI**

Mã kiểu loại *(Model code):* **SW502**

Tên thương mại *(Commercial name):* **SW502**

Màu xe *(Vehicle color):* **Vàng - Đen**

Số khung *(Chassis Nº):* **VSW3110168**

Số động cơ *(Engine Nº):* **V2203600422**

Nước sản xuất *(Production country):* **JAPAN**

Năm sản xuất *(Production year):* **2006**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date):* **107289878030/23/06/2025**

Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº):* **012904/25MC-040/002**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site):* **03/08/2025 / Tỉnh Bình Dương**

Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection):* **012904/25MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass):*	**4090**	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H):*	**3100 x 1390 x 2550**	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type):*	**V2203-KA, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng**	
Loại nhiên liệu *(Fuel):*	**Diesel**	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm):*	**30,6/2300**	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max travelling speed):*	**10**	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất *(Max vibration force)*:	**34,3(*)**	kN
Biên độ rung *(Vibration amplitude)*:	**0,35**	mm
Tần số rung *(Vibration frequency)*:	**55**	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước *(Quantity/Front roller size)*:	**01/800x1300**	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau *(Quantity/Rear roller size)*:	**01/800x1300**	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):
(*) Xe lu rung có 2 trống rung trên 2 bánh lu, lực rung lớn nhất của một trống là: 34,3kN(3498kG).

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2025
Cơ quan chứng nhận
(Certification body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Ký bởi: Cục Đăng kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 04/08/2025 21:53:32

Hoàng Quân

Ký bởi: Hoàng Quân
Email: quanh.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 04/08/2025 21:53:30

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bảo dưỡng,...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3457174